

Số: 2177 /NMĐSH1-TM

Cần Thơ, ngày 08 tháng 09 năm 2026

V/v cung cấp báo giá hàng hóa “Vật tư lọc lọc
cần thiết cho công tác Bảo dưỡng sửa chữa năm
2026”

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Chi nhánh phát điện Dầu khí/ Nhà máy Điện Sông Hậu 1 (NMĐ Sông Hậu 1) đang có nhu cầu triển khai mua sắm “Vật tư lọc lọc cần thiết cho công tác Bảo dưỡng sửa chữa năm 2026”. NMĐ Sông Hậu 1 đề nghị Quý Công ty quan tâm, nghiên cứu và cung cấp báo giá cho hàng hóa nói trên với nội dung như sau:

1. Phạm vi công việc: chi tiết như Phụ lục đính kèm
2. Tiến độ cung cấp: Nhà cung cấp đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét.
3. Địa điểm giao hàng: Kho Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ.
4. Hiệu lực báo giá: 90 ngày kể từ ngày chào giá.
5. Thời gian gửi báo giá: trước 16h ngày 22/09/2026.
6. Phương thức gửi báo giá: gửi trực tiếp/bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email.
7. Thông tin liên hệ:

Người nhận: Phòng Thương mại – NMĐ Sông Hậu 1.

Địa chỉ: Nhà máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1, Ấp Phú Xuân, Xã Châu Thành, Thành phố Cần Thơ

Email: giangtth@pvpgb.vn; hunglt@pvpgb.vn; haipdm@pvpgb.vn; dacnlm@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

NMĐ Sông Hậu 1 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD NMĐSH1 (để b/c);
- Lưu VT, TM (N.L.M.D).

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMĐ SÔNG HẬU 1
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Khánh Duy

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HÓA
(Đính kèm công văn số 2477/NMDSH1-TM ngày 08/09/2026)

STT	Mã Vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
I. LỘC LƯỢC HYDAC									
1	58809004	Filter element	0110 D 010 ON	HYDAC		Châu Âu/G7	7	pc	
2	58815009	Filter element	0110 R 010 ON	HYDAC		Châu Âu/G7	4	pc	
3	58801025	Filter elements for oil tank	Type: 0110D025W/HC '63 Bar - 2x0,42 L	HYDAC		Châu Âu/G7	2	pc	
II. LỘC LƯỢC HỆ THỐNG H2									
4	58801076	Crankcase Breathers element	Part number: P0100007	Pdc Machines	Part number: P0100007	G7	2	pc	
5	58801077	Diseccant, Dryer	Item: 6 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 6 Kit Number: KT-0100-0038	G7	32	lbs	
6	58830002	Filter Screen, Dryer	Item: 7 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 7 Kit Number: KT-0100-0038	G7	4	pc	
7	48586012	Retainer Ring, Dryer	Item: 8 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 8 Kit Number: KT-0100-0038	G7	4	pc	
8	48572090	O-Ring, Dryer, Column Cap	Item: 9 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 9 Kit Number: KT-0100-0038	G7	4	pc	
9	48586013	Tool, Retainer Ring Seat	Item: 10 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 10 Kit Number: KT-0100-0038	G7	2	pc	
10	58830003	Filter, 1/4" NPT, 40 Micron	Item: 18 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 18 Kit Number: KT-0100-0038	G7	2	pc	



STT	Mã Vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
11	58830005	Filter, 80 Mesh	Item: 19 Kit Number: KT-0100-0038	PROTON	Item: 19 Kit Number: KT-0100-0038	G7	2	pc	
12	58803018	Filter Cartridge	PPT Part Number: 5021	PPT	PPT Part Number: 5021	G7	1	pc	
13	58803020	Filter Cartridge	PPT Part Number: 5030	PPT	PPT Part Number: 5030	G7	1	pc	
III. LỘC LƯỢC HỆ THỐNG KHÁC									
14	58815013	Filter element	300373	EATON		Châu Âu/G7	7	pc	
15	58817001	OSE/SCAVENGE LINE KIT	2901 9200 40 - OSE/SCAVENGE LINE KIT - SEPARATOR (1 PC) - O-RING (1 PC) - O-RING 289.3x5.7 (1 PC) - O-RING (1 PC) - O-RING 3.3x2.4 (1 PC) - NON RETURN VALVE (1 PC) - O-RING 12.3x2.4 (1 PC) - KIT SCAVENGE LINE (1 set) - KIT OIL SEPARATOR (1 set)	Atlas Copco	2901 9200 40	Châu Âu/G7	2	Set	
16	58801080	Inlet Filter Element	Rating: 4705 Vật liệu: Polyester Surface Area ft ² : 75 ID (in): 14 OD (in): 19 5/8	Solberg	Part number: 485P	Châu Âu/G7	3	pc	
17	55015001	Set of service kits(4000hrs or 1 year) for compressor ZR500-10-50/E	01 Kit include: SEAL WASHER M20: 02 MEMBRANE: 01 DRAIN VALVE KIT: 01	Atlas Copco	Part Number: 2906 0492 00	Châu Âu/G7	3	Set	

STT	Mã Vật tư	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Mã đặt hàng	Xuất xứ	Số lượng	Đơn vị tính	Ghi chú
			AIR/OIL FILTER KIT: 01 ZR450-750 IC DRAIN VLV KIT: 01 VALVE: 01 Trong đó đổi Part Number oil filter 1614 8747 99 sang 1614 7273 99						
18	58806026	Filter elements	Model no.: DD 2100F	Atlas Copco	Part No.: 1624 1844 03	Châu Âu/G7	24	pc	
19	58831011	Filter elements	Model no.: PDp 2100F	Atlas Copco	Part No.: 1624 1844 01	Châu Âu/G7	32	pc	
20	58815020	Engine oil filter	Oil filter for Engine model: 12V4000G23; Part No.: 31845301	MTU ValueCare	Part No.: 31845301	Châu Âu/G7	10	pc	
21	58808036	Fuel filter	Fule filter for Engine model: 12V4000G23; Part No.: X00042421	MTU ValueCare	Part No.: X00042421	Châu Âu/G7	2	pc	
22	58822003	Filter - High Pressure Pump - Unit 1	Beutelfiltergehäuse BF-PPF5 Type BF-F Polypropylen - 50µm - 0,15 m²	MTS & APIC Filter GmbH & Co.KG	Theo thực tế	Châu Âu/G7	2	pc	
23	58801088	Crankcase breather Filter element	Part Number: XP59501800122	MTU ValueCare	XP59501800122	Châu Âu/G7	12	pc	
24	58815077	Oil Filter Element	Part Number: 1614727300 Ed.3 Maximum Pressur: 14 bar	Atlas Copco	1614727300 Ed.3	Châu Âu/G7	2	pc	
25	58815098	Air Filter	For Engine model: 12V4000G23	MTU ValueCare	Part No.: 0180945802	Châu Âu/G7	8	pc	

Ghi chú:

- Thuê giá trị gia tăng là tạm tính mức 10%, trong quá trình thực hiện hợp đồng mức thuế suất sẽ được điều chỉnh tại thời điểm nghiệm thu thanh toán phù hợp với quy định thuế của Chính phủ.



- Danh mục hàng hóa, nhà sản xuất, tiêu chuẩn của hàng hóa nêu trên là hàng hóa thuộc các thiết bị hiện hữu tại Nhà máy/Chủ đầu tư lấy theo khuyến cáo của nhà sản xuất/chế tạo thiết bị, tài liệu O&M Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, Nhà thầu phải chào đúng chủng loại/model, thông số kỹ thuật như yêu cầu để đảm bảo tương thích, đồng bộ với thiết bị/hệ thống hiện hữu, đang sử dụng tại Nhà máy (tương thích về kích thước, khả năng lắp đặt cho thiết bị/hệ thống nêu trên) để đảm bảo hệ thống/thiết bị vận hành lâu dài, ổn định, hiệu suất cao nhất

Yêu cầu khác:

- Xuất xứ: Nhà thầu chào đầy đủ xuất xứ của hàng hóa;
- Tiến độ: Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp tốt nhất để Nhà máy xem xét;
- Địa điểm giao hàng: Kho vật tư, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1;
- Chất lượng hàng hóa: Hàng hóa phải đảm bảo mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng;
- Chứng từ kèm theo hàng hóa:
 - + Hàng hóa phải có đầy đủ chứng chỉ xuất xứ (CO), chứng chỉ chất lượng (CQ/COA/CoC), (bản gốc hoặc bản photo công chứng hoặc bản điện tử) hoặc tài liệu có tính chất tương tự;
 - + Bảo hành: 365 ngày kể từ ngày được nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.